

Số: 03/2021/TT-BTP

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2021

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý

Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trợ giúp pháp lý;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Tổ đánh giá luật sư có trách nhiệm:

- a) Xây dựng thông báo lựa chọn luật sư;
- b) Đánh giá hồ sơ lựa chọn luật sư và chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá, kết quả lựa chọn”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Thông báo lựa chọn luật sư gồm những nội dung sau đây:

d) Địa điểm, thời hạn nộp hồ sơ. Thời hạn nộp hồ sơ được quy định cụ thể trong thông báo, tối thiểu là 20 ngày, tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày thông báo được đăng tải”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 6 như sau:

“1. Hồ sơ lựa chọn luật sư gồm:

a) Giấy đề nghị tham gia lựa chọn ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý, trong đó có nêu rõ việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Luật Trợ giúp pháp lý và giới thiệu về quá trình hành nghề của luật sư, vụ việc tham gia tố tụng; kinh nghiệm tham gia trợ giúp pháp lý (nếu có);

b) Bản sao thẻ luật sư;

c) Các tài liệu khác theo thông báo lựa chọn luật sư (nếu có).

3. Luật sư nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính, thư điện tử 01 bộ hồ sơ về Trung tâm. Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp thì ngày nộp là ngày ghi trên giấy biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính thì ngày nộp được căn cứ theo ngày đến trên dấu của dịch vụ bưu chính. Trường hợp hồ sơ được gửi qua thư điện tử thì thời điểm nộp hồ sơ là thời điểm hồ sơ đã gửi đến thư điện tử của Trung tâm. Nếu thời điểm hồ sơ gửi đến thư điện tử của Trung tâm ngoài giờ hành chính thì thời điểm nộp được tính là thời điểm bắt đầu từ ngày, giờ hành chính kế tiếp”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 4 Điều 7 như sau:

“1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Tổ đánh giá luật sư phải hoàn thành việc đánh giá. Trường hợp cần thiết, có thể kéo dài thời gian đánh giá nhưng không quá 03 ngày làm việc.

4. Trung tâm có trách nhiệm thông báo kết quả lựa chọn đến các luật sư đã nộp hồ sơ. Luật sư phải có số điểm đánh giá cuối cùng từ 50 điểm trở lên và được lựa chọn theo thứ tự từ cao xuống thấp đến đủ số lượng dự kiến lựa chọn. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, luật sư được lựa chọn có trách nhiệm ký hợp đồng với Trung tâm, trừ trường hợp có lý do chính đáng thì có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Quá thời hạn trên mà luật sư được lựa chọn không ký hợp đồng thì Trung tâm thông báo đề ký hợp đồng với luật sư có số điểm cao kế tiếp (nếu còn). Trường hợp luật sư nộp hồ sơ qua thư điện tử thì khi đến ký hợp đồng với Trung tâm, luật sư phải nộp đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Ký hợp đồng với cộng tác viên trợ giúp pháp lý

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cấp thẻ, cộng tác viên trợ giúp pháp lý có trách nhiệm đến Trung tâm để ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý, trừ trường hợp có lý do chính đáng thì có thể kéo dài nhưng không quá 35 ngày kể từ ngày được cấp thẻ”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 12 như sau:

“1. Hồ sơ lựa chọn tổ chức gồm:

a) Giấy đề nghị tham gia lựa chọn ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý, trong đó nêu rõ việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Trợ giúp pháp lý và giới thiệu về tổ chức, hoạt động của tổ chức tham gia lựa chọn ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý, nêu rõ số luật sư, số tư vấn viên pháp luật làm việc tại tổ chức; vụ việc tham gia tố tụng; kinh nghiệm tham gia trợ giúp pháp lý (nếu có);

b) Bản sao Giấy đăng ký hoạt động;

c) Các tài liệu khác theo thông báo lựa chọn tổ chức (nếu có).

3. Tổ chức nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính, thư điện tử 01 bộ hồ sơ về Sở Tư pháp. Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp thì ngày nộp là ngày ghi trên giấy biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính thì ngày nộp được căn cứ theo ngày đến trên dấu của dịch vụ bưu chính. Trường hợp hồ sơ được gửi qua thư điện tử thì thời điểm nộp hồ sơ là thời điểm hồ sơ đã gửi đến thư điện tử của Sở Tư pháp. Nếu thời điểm nộp hồ sơ qua thư điện tử ngoài giờ hành chính thì thời điểm nộp được tính là thời điểm bắt đầu từ ngày, giờ hành chính kế tiếp”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 13 như sau:

“2. Sở Tư pháp có trách nhiệm thông báo kết quả đánh giá đến các tổ chức đã nộp hồ sơ. Tổ chức phải có số điểm đánh giá cuối cùng từ 50 điểm trở lên và được lựa chọn theo thứ tự từ cao xuống thấp đến đủ số lượng dự kiến lựa chọn. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, tổ chức được lựa chọn có trách nhiệm ký hợp đồng với Sở Tư pháp, trường hợp có lý do chính đáng thì có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Quá thời hạn trên mà tổ chức được lựa chọn không ký hợp đồng thì Sở Tư pháp thông báo để ký hợp đồng với tổ chức có số điểm cao kế tiếp (nếu còn). Trường

hợp tổ chức nộp hồ sơ qua thư điện tử thì khi đến ký hợp đồng với Sở Tư pháp, tổ chức phải nộp đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này”.

8. Bãi bỏ khoản 2 Điều 16.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 thành khoản 2 Điều 16 như sau:

“2. Tổ chức, cá nhân thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật trợ giúp pháp lý, nội dung hợp đồng; có trách nhiệm bảo đảm chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật và hợp đồng”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 17 như sau:

“2. Khi chấm dứt hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức chuyển hồ sơ vụ việc đang thực hiện cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý được Sở Tư pháp giao để tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Trợ giúp pháp lý.

3. Khi chấm dứt hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều này, cá nhân chuyển hồ sơ vụ việc đang thực hiện cho Trung tâm. Trung tâm phân công người thực hiện trợ giúp pháp lý để tiếp tục thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý”.

11. Bổ sung Điều 25a sau Điều 25 như sau:

“Điều 25a. Thay đổi người hướng dẫn tập sự

1. Người tập sự có quyền đề nghị bằng văn bản với người đứng đầu Trung tâm về việc thay đổi người hướng dẫn tập sự khi người hướng dẫn tập sự thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người hướng dẫn tập sự vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 của Quy tắc nghề nghiệp trợ giúp pháp lý ban hành kèm theo Thông tư số 03/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

b) Người hướng dẫn tập sự chuyển công tác, nghỉ việc, thôi việc, buộc thôi việc, chết hoặc vì lý do sức khỏe hoặc các lý do khác mà không thể tiếp tục hướng dẫn tập sự trợ giúp pháp lý.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thay đổi người hướng dẫn tập sự, người đứng đầu Trung tâm có trách nhiệm xem xét, quyết định”.

12. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 29 như sau:

“3. Hình thức kiểm tra bao gồm kiểm tra viết và kiểm tra thực hành.

a) Kiểm tra viết: Kiểm tra kiến thức pháp luật trong lĩnh vực hình sự, dân sự, hành chính, trợ giúp pháp lý; kỹ năng tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng, tư vấn pháp luật. Thời gian kiểm tra viết là 180 phút.”

13. Bổ sung điểm e khoản 1 Điều 33 như sau:

“1. Giấy tờ chứng minh là người có công với cách mạng gồm một trong các giấy tờ sau:

e) Kỷ niệm chương Tổ quốc ghi công đối với người có công giúp đỡ cách mạng, Giấy chứng nhận người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945, Giấy chứng nhận người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, Huân chương Chiến thắng, Huy chương Chiến thắng”.

14. Bãi bỏ khoản 16, khoản 17 Điều 34.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 Điều 4 như sau:

“4. Trợ giúp viên pháp lý thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không phải tham gia tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng bắt buộc trong năm:

c) Nghi thai sản; Trợ giúp viên pháp lý là nữ đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, các trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 6 Điều 34 Luật Bảo hiểm xã hội”.

2. Bổ sung Điều 8a sau Điều 8 như sau:

“Điều 8a. Thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về trợ giúp pháp lý ở Trung ương

Trung tâm thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý theo yêu cầu của Cục Trợ giúp pháp lý đối với các vụ việc không phụ thuộc vào nơi cư trú của người được trợ giúp pháp lý hoặc nơi xảy ra vụ việc trợ giúp pháp lý.

Việc thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý trong trường hợp này thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Trợ giúp pháp lý”.

3. Bổ sung Điều 11a sau Điều 11 như sau: